

Số: 03/2026/NQ-ĐHĐCĐ

Tây Ninh, ngày 24 tháng 07 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NIÊN ĐỘ 2025 – 2026

(V/v Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động Hội đồng quản trị)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020, được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm ("**Luật Doanh nghiệp**");
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019, được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm ("**Luật Chứng khoán**");
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 ("**Nghị định 155**");
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155 ("**Thông tư 116**");
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa ("**Điều lệ**");
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường niên độ 2025 - 2026 số 01/2026/BBH-ĐHĐCĐ ngày 24/07/2026 của Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động Hội đồng quản trị, nội dung chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm Nghị quyết này.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm triển khai, giám sát và báo cáo việc thực hiện Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BTGD;
- Lưu: TKCT.



CHỦ TỌA

ĐẶNG HUỲNH ỨC MY

PHỤ LỤC 01: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG HĐQT

(Đính kèm Nghị quyết ĐHĐCĐ số .03../2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/07/2026 v/v sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT)

Ghi chú:

- Các Điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi;
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Nội dung tại văn bản hiện hành” là các nội dung được in nghiêng.
- Các nội dung cần sửa đổi, bổ sung tại mục “Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung” là nội dung được in đậm, gạch chân.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
1	Không có quy định	III. Tài liệu tham khảo III.1. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019, và các văn bản sửa đổi bổ sung. III.2. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020, và các văn bản sửa đổi bổ sung. III.3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung. III.4. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. III.5. Điều lệ Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa đang có hiệu lực tại thời điểm ban hành Quy chế này. III.6. Bộ nguyên tắc quản trị công ty Việt Nam (VNCG Code) 2026.		Bổ sung các tài liệu tham khảo.
2	Không có quy định	V. TUÂN THỦ Cán bộ nhân viên của Công ty và nhân viên của các công ty cung cấp dịch vụ cho Công ty phải tuyệt đối tuân thủ các nội dung được trình bày trong Quy chế này. Trong trường hợp vi phạm, người vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định tại Nội quy lao động và/hoặc Quy định về xử lý vi phạm của Công ty (nếu có) và/hoặc các văn bản quy định	Quy chế kiểm soát và ban hành văn bản lập quy (Phòng Quản lý rủi ro, quy trình và tuân thủ)	Bổ sung quy định về việc tuân thủ quy chế, nội dung theo Biểu mẫu trình bày văn bản lập quy

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		<u>về Cam kết Chính trực và Bảo mật thông tin. Tùy theo mức độ vi phạm và đối tượng vi phạm, Đại hội đồng cổ đông, HĐQT hoặc Bộ máy Điều hành sẽ có quyết định xử lý vi phạm cho từng trường hợp cụ thể.</u> <u>Trường hợp Quy chế này có dẫn chiếu đến các nội dung được quy định trong VBLQ nội bộ của Công ty mà tài liệu nội bộ thay đổi, bổ sung tại từng thời điểm thì các nội dung dẫn chiếu trong Quy chế này sẽ đương nhiên được dẫn chiếu đến VBLQ thay thế, sửa đổi đó.</u> Trường hợp các quy định trong VBLQ này không phù hợp, mâu thuẫn, trái với quy định pháp luật (bao gồm trường hợp pháp luật có thay đổi mà Quy chế này chưa được sửa đổi, bổ sung), Công ty sẽ căn cứ theo quy định của pháp luật để áp dụng.		
3	Điều 5. Quyền hạn và nghĩa vụ thành viên HĐQT c) Các thành viên độc lập HĐQT có trách nhiệm phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT	VI.2.1 Quyền hạn và nghĩa vụ thành viên HĐQT <u>(b) (ix) Trong và sau quá trình làm thành viên HĐQT, ngoại trừ luật pháp có quy định, thành viên HĐQT tuân thủ các quy chế cung cấp/ bảo mật thông tin và các thỏa thuận bảo mật thông tin đã ký với Công ty.</u> c) <u>Từng</u> thành viên độc lập HĐQT có trách nhiệm phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT	Điều c, Khoản 1, Điều 165 Luật Doanh nghiệp: “Thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây: ... c) Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; <u>không làm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</u>” Khoản 3 Điều 277 Nghị định 155 sửa đổi bổ sung bởi ND 245:	Bổ sung, điều chỉnh theo quy định pháp luật.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
			"3. Từng thành viên HĐQT độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT."	
4	Không có quy định	<u>VI.2.2. Phát triển năng lực liên tục của thành viên HĐQT</u> a) <u>Thành viên HĐQT mới được bầu, bổ nhiệm hoặc được chỉ định tham gia HĐQT được cung cấp chương trình hội nhập phù hợp để nắm bắt đầy đủ thông tin về mô hình tổ chức, chiến lược phát triển, cơ cấu sở hữu, tình hình tài chính, hệ thống quản trị, cơ chế ra quyết định, rủi ro trọng yếu, quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị và các nội dung cần thiết khác phục vụ việc thực hiện nhiệm vụ;</u> b) <u>Thành viên Hội đồng có trách nhiệm chủ động cập nhật kiến thức và kỹ năng cần thiết liên quan đến pháp luật, quản trị công ty, tài chính, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, phát triển bền vững, công nghệ, an ninh thông tin, trí tuệ nhân tạo, xu hướng thị trường và các vấn đề trọng yếu khác có liên quan đến hoạt động của Công ty;</u> c) <u>Hội đồng quản trị có trách nhiệm xem xét, khuyến khích và tạo điều kiện phù hợp để thành viên HĐQT tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng hoặc cập nhật chuyên môn trong và ngoài Công ty, phù hợp với ngân sách, chính sách nội bộ và nhu cầu quản trị của Công ty.</u>	Nguyên tắc 4.4 VNCG Code 2026	Bổ sung theo tham khảo khuyến nghị tại VNCG Code 2026
5	Điều 8. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT a. Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp; b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành	VI.2.5 Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT <u>Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ và Điều VI.3.3 Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</u>		Quy định theo hướng dẫn chiểu để đảm bảo nội dung thống nhất giữa các văn bản.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	nghề kinh doanh của Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty; c. Thành viên HĐQT không được đồng thời là thành viên HĐQT của quá 05 công ty khác; d. Không tư vấn, làm việc, đầu tư, góp vốn hoặc là người quản lý, người điều hành tại công ty khác có ngành nghề hoạt động tương tự Công ty; e. Không được làm thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát hoặc giữ chức danh quản lý, điều hành tại các công ty khác cùng hoạt động trong ngành nông nghiệp; f. Không sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên tại công ty khác hoạt động trong ngành nông nghiệp; g. Thành viên HĐQT và người có liên quan không sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên tại công ty khác hoạt động trong ngành nông nghiệp; h. Người có liên quan của thành viên HĐQT không phải là người quản lý hoặc người điều hành tại công ty khác hoạt động trong ngành nông nghiệp; i. Không đồng thời là thành viên nội bộ quản trị tại quá 05 công ty khác; j. Không có bất kỳ tranh chấp nào với Công ty, người với người quản lý hoặc người điều hành của Công ty, bao gồm tranh chấp hiện hữu hoặc tranh chấp phát sinh trong 03 năm gần nhất. Để làm rõ, thuật ngữ “công ty khác” tại điều khoản này không bao gồm công ty con và công ty liên kết của Công ty.			
6	Điều 15. Vai trò và chức năng của HĐQT HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các	VI.3.2. Vai trò và chức năng của HĐQT a) <u>HĐQT là cơ quan quản trị cấp cao nhất của toàn Tập đoàn AgriS. HĐQT đại diện cho quyền sở hữu vốn của chủ sở hữu Tập đoàn AgriS tại các Đơn vị thành viên và có vai trò chính yếu là định</u>	Mô hình quản trị AgriS	Điều chỉnh theo Mô hình quản trị AgriS.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.	<u>hướng và giám sát nhằm bảo đảm đạt được các mục tiêu chiến lược, lợi ích chung của Công ty, Tập đoàn AgriS và phát triển bền vững.</u>		
7	Điều 16. Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT 1. <i>Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định.</i> a. <i>Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</i> b. <i>Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</i> c. <i>Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</i> d. <i>Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;</i> e. <i>Quyết định mua lại cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</i> f. <i>Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</i> g. <i>Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</i> h. <i>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 70% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</i> i. <i>Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ tương hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo khoản 2 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp; đến dưới 1/2 tổng tài sản, trừ các trường hợp quy định tại điểm h, điểm i khoản 8 Điều 35, điểm b khoản 9 Điều 35 của Điều lệ;</i>	VI.3.3 _Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT <u>Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ và Điều VI.3.1 (b) Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</u>		Chuyển phần quyền hạn & nghĩa vụ thành viên HĐQT sang tham chiếu tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty để đảm bảo tính thống nhất.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác theo đề nghị của Tổng giám đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác cho những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc HĐQT ở công ty khác; quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; l. Quyết định cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý nội bộ của công ty, quy chế quản trị nội bộ và quy chế hoạt động của HĐQT, quy chế về công bố thông tin của công ty; m. Chiến lược, kế hoạch đầu tư công nghệ, đổi mới sáng tạo; phê duyệt dự án đầu tư, mua, bán tài sản có giá trị từ dưới 70% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; n. Quyết định thành lập công ty con, công ty liên kết, chi nhánh, văn phòng đại diện; góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; quyết định việc góp vốn, mua cổ phần hoặc phần vốn góp của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật; o. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên ĐHĐCĐ; p. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; q. Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm			

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	toán trực thuộc HĐQT, Quy chế về công bố thông tin của công ty; r. Quyết định các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hằng năm nhưng không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; s. Xem xét và xử lý các sai phạm gây thiệt hại cho cổ đông và Công ty đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm; t. Hủy bỏ hoặc thay đổi các quyết định của TGD nếu các quyết định này gây ra hoặc tiềm ẩn xung đột lợi ích, không vì lợi ích tốt nhất của Công ty, hoặc trái quy định pháp luật, Điều lệ hoặc các quy định, quy chế nội bộ của Công ty; u. Ban hành nghị quyết yêu cầu TGD thực hiện các vấn đề thuộc thẩm quyền của TGD theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; v. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định của pháp luật khác và Điều lệ Công ty.			
8	Điều 12 Trách nhiệm HĐQT trong việc triệu tập ĐHĐCĐ bất thường 1. HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau: ... d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan	VI.3.5 Trách nhiệm HĐQT trong việc triệu tập ĐHĐCĐ bất thường a) HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau: ... iv) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan <u>và các thông tin theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 của Điều lệ.</u>		Bổ sung cho thống nhất với Điều lệ

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
9	Không có quy định	VI.3.7 Kế hoạch kế nhiệm đối với chức danh quản trị và điều hành chủ chốt a) <u>HĐQT xem xét, phê duyệt và giám sát việc xây dựng kế hoạch kế nhiệm đối với Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và các chức danh quản lý chủ chốt khác thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm bảo đảm tính liên tục trong quản trị, điều hành và hạn chế rủi ro gián đoạn hoạt động của Công ty.</u> b) <u>Kế hoạch kế nhiệm phải được xây dựng trên cơ sở nhu cầu chiến lược, mô hình tổ chức, yêu cầu năng lực, tình hình nguồn nhân sự nội bộ, khả năng phát triển đội ngũ kế cận và các phương án xử lý trong trường hợp phát sinh thay đổi nhân sự đột xuất.</u> c) <u>HĐQT có thể giao Ủy ban Nhân sự hoặc các Ủy ban giúp việc rà soát, cập nhật và báo cáo về kế hoạch kế nhiệm định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của HĐQT.</u>	Nguyên tắc 1.7 VNCG Code 2026; Chương VI.D OECD 2023	Bổ sung theo tham khảo OECD 2023 và VNCG Code 2026.
10	Không có quy định	VI.3.8 Sử dụng tư vấn độc lập và tiếp cận nguồn lực hỗ trợ HĐQT a) <u>HĐQT, Chủ tịch HĐQT, thành viên độc lập HĐQT, các Ủy ban và các bộ phận giúp việc cho HĐQT có quyền đề nghị sử dụng tổ chức tư vấn độc lập, chuyên gia, nhà tư vấn pháp lý, tài chính, kỹ thuật, quản trị hoặc nguồn lực chuyên môn khác trong trường hợp cần thiết để hỗ trợ việc xem xét, đánh giá hoặc kiến nghị đối với các vấn đề phức tạp thuộc thẩm quyền của HĐQT</u> b) <u>Việc sử dụng tư vấn độc lập và nguồn lực hỗ trợ phải được thực hiện vì lợi ích tốt nhất của Công ty, phù hợp với phạm vi công việc được giao, ngân sách được phê duyệt, quy trình nội bộ của Công ty và nguyên tắc bảo mật thông tin.</u> c) <u>Tổng giám đốc, Bộ máy điều hành, các đơn vị và cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin, tài liệu, điều kiện làm việc hợp</u>	Nguyên tắc 4.1 VNCG Code 2026	Bổ sung theo VNCG Code 2026.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		<u>lý theo yêu cầu hợp lý của HĐQT, Chủ tịch HĐQT, thành viên độc lập HĐQT và các bộ phận giúp việc cho HĐQT để phục vụ việc sử dụng tư vấn độc lập và nguồn lực hỗ trợ nêu tại Điều này.</u>		
11	Điều 20. Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT	VI.4.1 Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT <u>Ngoài ra, trình tự thủ tục tổ chức họp HĐQT còn phải tuân thủ các quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.</u>		Dẫn chiếu đảm bảo việc tuân thủ về trình tự, thủ tục họp HĐQT
12	Điều 21. Điều kiện tiến hành và cách thức biểu quyết trong cuộc họp HĐQT 1. Điều kiện tiến hành cuộc họp HĐQT: a. Các cuộc họp của HĐQT lần thứ nhất chỉ được tiến hành khi có ít nhất $\frac{1}{4}$ (bốn phần tư) tổng số thành viên HĐQT trở lên dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn $\frac{1}{2}$ (một nửa) số thành viên HĐQT dự họp. b. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp nếu thuộc một trong các trường hợp sau: i. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; ii. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều 27 Điều lệ; iii. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; iv. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết thông qua thư, phiếu biểu quyết phải được đóng trong phong bì dán	VI.4.2 Điều kiện tiến hành và cách thức biểu quyết trong cuộc họp HĐQT a) <u>Điều kiện tiến hành và cách thức biểu quyết trong cuộc họp HĐQT: Theo các quy định tại Khoản VI.3.9 Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</u>		Dẫn chiếu quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty nhằm đảm bảo việc tuân thủ điều kiện tiến hành và cách thức biểu quyết trong cuộc họp HĐQT.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<i>kin và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</i> 2. Cách thức biểu quyết và thông qua nghị quyết của HĐQT: a. HĐQT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác tùy vào điều kiện và vấn đề cụ thể. Trừ quy định tại điểm b Khoản này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết; b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó theo quy định pháp luật. Thành viên HĐQT sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết; c. Theo quy định tại điểm d Khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ toạ cuộc họp và phán quyết của chủ toạ liên quan đến tất cả các thành viên HĐQT khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT			

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	liên quan chưa được công bố một cách thích đáng; Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 9 Điều 35 của Điều lệ sẽ được coi là có lợi ích trong hợp đồng đó d. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.			
13	Điều 22. Biên bản họp và nghị quyết HĐQT 1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Thời gian, địa điểm họp; c. Mục đích, chương trình và nội dung họp; d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp; g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến; h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;	VI.4.1 Biên bản họp và nghị quyết của HĐQT <u>Theo các quy định tại Khoản VI.3.10 Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</u>		Dẫn chiếu theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty để đảm bảo thống nhất.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. 2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp, nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan. 3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị 4. Biên bản họp HĐQT phải được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh. Trong trường hợp nội dung Biên bản họp có sự khác biệt giữa tiếng Việt và tiếng Anh thì tiếng Việt được ưu tiên áp dụng. 5. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.			
14	Điều 24. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của các thành viên HĐQT 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. 2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng theo kết quả và hiệu quả kinh	VI.5.2. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của các thành viên HĐQT <u>Theo quy định tại Điều VI.3.7 Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</u>		Dẫn chiếu theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty để đảm bảo thống nhất.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	doanh. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên. 3. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên. 4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Thường trực hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các Ban, Ủy ban, bộ phận/đơn vị hỗ trợ của của HĐQT, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT. 5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của HĐQT hoặc các Ban, Ủy ban, bộ phận/đơn vị hỗ trợ của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ. 6. Thành viên HĐQT có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.			
15	Không có quy định	<u>VI.6. Đánh giá hiệu quả hoạt động của HĐQT</u>	Nguyên tắc 4.3 VNCG Code 2026.	Bổ sung nội dung đánh giá hiệu quả

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		VI.6.1<u>HĐQT định kỳ đánh giá hiệu quả hoạt động của HĐQT, các Ủy ban trực thuộc HĐQT, Chủ tịch HĐQT và từng thành viên HĐQT nhằm nâng cao chất lượng quản trị, giám sát và thực hiện các mục tiêu chiến lược của Công ty.</u> VI.6.2<u>Việc đánh giá được thực hiện trên cơ sở các tiêu chí khách quan, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế này, các mục tiêu hoạt động đã được phê duyệt và thông lệ quản trị công ty tốt.</u> VI.6.3<u>Nội dung đánh giá bao gồm nhưng không giới hạn ở năng lực thực hiện nhiệm vụ, mức độ tham gia và đóng góp vào hoạt động của HĐQT, hiệu quả giám sát, tính độc lập trong xem xét và ra quyết định, việc tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và các nghĩa vụ của thành viên HĐQT.</u> VI.6.4<u>HĐQT có thể thực hiện đánh giá nội bộ hoặc thuê tổ chức, chuyên gia độc lập hỗ trợ việc đánh giá khi xét thấy cần thiết.</u> VI.6.5<u>Kết quả đánh giá là cơ sở để HĐQT xem xét các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động, phát triển năng lực thành viên HĐQT, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, cơ chế hoạt động và các quy định quản trị của Công ty.</u> VI.6.6<u>Quá trình đánh giá phải được thực hiện bảo đảm tính khách quan, minh bạch, bảo mật thông tin và được lưu trữ theo quy định của Công ty.</u>		hoạt động của HĐQT hàng năm, tham khảo VNCG Code 2026.
16	Không có quy định	VI.7. <u>Hoạt động giám sát của HĐQT</u> VI.7.1<u>HĐQT thực hiện chức năng giám sát đối với hoạt động quản lý, điều hành của Tổng Giám đốc, Bộ máy điều hành và Người quản lý khác nhằm bảo đảm việc thực hiện chiến lược, mục tiêu, kế hoạch kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và</u>	Nguyên tắc 1.2; 9.1 (ESG); nguyên tắc 1.3 (hệ thống quản trị rủi ro); nguyên tắc 6.1 (hệ thống kiểm soát nội bộ); nguyên tắc 1.6 (công bố thông tin, quản trị công ty); nguyên tắc 7.1 (phát triển bền vững)	VNCG Code 2026 nhấn mạnh vai trò giám sát của HĐQT về: giám sát chiến lược công ty, mô hình kinh doanh và kế hoạch tài chính trong

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		<u>các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.</u> VI.7.2 <u>Phạm vi giám sát của HĐQT bao gồm nhưng không giới hạn:</u> a) <u>Việc thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh và các mục tiêu trọng yếu của Công ty;</u> b) <u>Tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, đầu tư và sử dụng nguồn lực của Công ty; Hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và tuân thủ;</u> c) <u>Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty, công bố thông tin và các nghĩa vụ pháp lý của Công ty;</u> d) <u>Công tác quản lý, phát triển và kế nhiệm đội ngũ quản lý cấp cao.</u> e) <u>Việc thực hiện nhiệm vụ của những Người đại diện chỉ định tại các Đơn vị thành viên.</u> VI.7.3 <u>HĐQT thực hiện chức năng giám sát thông qua việc xem xét báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện, yêu cầu cung cấp thông tin và thực hiện các biện pháp giám sát khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ có liên quan.</u> VI.7.4 <u>Nội dung, nguyên tắc, phương thức và cơ chế giám sát của HĐQT được thực hiện theo Quy chế thực hiện hoạt động giám sát do HĐQT ban hành từng thời kỳ.</u>	nguyên tắc 7.4 (giao dịch với bên liên quan).	ngắn, trung, và dài hạn trong đó xem xét tổng thể và toàn diện các Bổ sung tại Quy chế này nhằm thiết lập cơ chế giám sát của HĐQT và được dẫn chiếu chi tiết về Quy chế thực hiện hoạt động giám sát của HĐQT.
17	Điều 26. Mỗi quan hệ làm việc với cổ đông 1. <i>HĐQT và các thành viên HĐQT cần thiết lập, duy trì và giữ vững mối quan hệ thường xuyên tốt đẹp đối với cổ đông của Công ty, thể hiện qua việc công bố các Báo cáo tài chính định kỳ của Công ty, bằng việc cung cấp thường xuyên những thông tin có thể cung cấp và đặc biệt là bằng việc đảm bảo hiệu quả hoạt động hàng năm của Công ty.</i> 2. <i>HĐQT cần đảm bảo tính minh bạch trong</i>	VI.8.1 <u>Mối quan hệ làm việc với cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan</u> a) <u>Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo đảm việc đối xử công bằng, bình đẳng giữa các cổ đông; tôn trọng và bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.</u> b) <u>Hội đồng quản trị thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và minh bạch theo quy định của pháp luật; đồng thời thiết lập cơ</u>		Viết lại nội dung và bổ sung mối quan hệ giữa HĐQT với các bên có quyền lợi liên quan theo khuyến nghị VNCG Code 2026.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	quản lý điều hành mọi mặt hoạt động của Công ty, tính gương mẫu đi đầu trong việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ và luôn có thái độ trân trọng đối với cổ đông, kể cả đối với các cổ đông có số cổ phần khiêm tốn nhất. 3. Chủ tịch HĐQT và HĐQT cần xử lý kịp thời và minh bạch các kiến nghị của cổ đông, cần giải thích rõ ràng và kiên định về các chất vấn của cổ đông và tham gia giải quyết nhanh chóng các khiếu nại, kiến nghị của cổ đông (nếu có) cũng là phương pháp để duy trì và giữ vững mối quan hệ tốt đẹp giữa HĐQT và cổ đông.	<u>chế trao đổi, tiếp nhận và phản hồi các ý kiến, kiến nghị của cổ đông một cách khách quan, minh bạch và phù hợp với thẩm quyền.</u> c) <u>Hội đồng quản trị bảo đảm Công ty duy trì mối quan hệ hợp tác với các bên có quyền lợi liên quan trên cơ sở tuân thủ pháp luật, tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, góp phần tạo dựng giá trị bền vững và nâng cao uy tín của Công ty.</u> d) <u>Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải hành động trung thực, cẩn trọng, khách quan, vì lợi ích tốt nhất của Công ty và toàn thể cổ đông; đồng thời cân nhắc phù hợp lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan theo quy định của pháp luật và thông lệ quản trị công ty tốt.</u> e) <u>Hội đồng quản trị khuyến khích việc đối thoại thường xuyên, minh bạch và hiệu quả với cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan trong phạm vi thẩm quyền, nhằm nâng cao chất lượng quản trị, tạo dựng niềm tin và hỗ trợ sự phát triển bền vững của Công ty.</u>		
18	Điều 30. Mối quan hệ với tổ chức công đoàn 1. HĐQT tạo điều kiện về tài chính và quỹ thời gian để Ban chấp hành Công đoàn cơ sở, công đoàn bộ phận có điều kiện làm tốt chức năng giáo dục, tập hợp, lãnh đạo quần chúng Công đoàn viên. 2. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của Công ty ký thoả ước lao động với Ban chấp hành Công đoàn, có cơ chế để đại diện Ban chấp hành Công đoàn cơ sở và bộ phận tham gia Hội đồng khen thưởng hàng năm, đồng thời cũng cần phải xây dựng cơ chế để Ban chấp hành Công đoàn cơ sở tham gia giám sát việc sử dụng hợp lý Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích từ lợi	Bỏ điều khoản này		Quy chế mẫu không có quy định này.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	nhuận sau thuế hàng năm của Công ty. 3. HĐQT tạo điều kiện và cơ hội để lắng nghe tiếng nói của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở, đại diện cho ý chí và nguyện vọng chính đáng của đông đảo đoàn viên Công đoàn và nhân viên đang làm việc tại Công ty.			
19	Không có quy định.	VI.9 Văn hóa đạo đức, liêm chính và cơ chế tiếp nhận phản ánh, tố giác VI.9.1 HĐQT có trách nhiệm định hướng, thúc đẩy và giám sát việc xây dựng văn hóa đạo đức, liêm chính, minh bạch và tuân thủ trong toàn Công ty; bảo đảm nguyên tắc hành động vì lợi ích tốt nhất của Công ty, cổ đông, đồng thời tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên có lợi ích liên quan. VI.9.2 HĐQT giám sát việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện bộ quy tắc ứng xử, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, chính sách phòng, chống xung đột lợi ích, chính sách phòng, chống tham nhũng, gian lận và các chính sách nội bộ khác có liên quan đến liêm chính doanh nghiệp. VI.9.3 HĐQT thúc đẩy việc thiết lập cơ chế phù hợp để tiếp nhận, xem xét, xử lý phản ánh, tố giác hoặc thông tin cảnh báo liên quan đến vi phạm pháp luật, vi phạm quy định nội bộ, gian lận, xung đột lợi ích hoặc hành vi không phù hợp khác; đồng thời có biện pháp bảo vệ người phản ánh thiện chí, bảo mật thông tin và ngăn ngừa hành vi trả đũa theo quy định của pháp luật và chính sách nội bộ của Công ty.	Nguyên tắc 5 VNCG Code 2026	Bổ sung theo VNCG Code làm cơ sở để xây dựng Bộ quy tắc ứng xử (Code of Conduct của) Công ty.

